

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/KDTM-ST

Ngày: 19-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phôi

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-KDTM ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T2

Địa chỉ trụ sở: 07 Trần Anh T, P. N, TP., tỉnh Bình Định; Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Hoàng D - Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành K - Nhân viên Công ty TNHH T2, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 01/2023/UQ-CTTP ngày 12/9/2023); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Q

Địa chỉ trụ sở trước đây: 223/42 T, P. Q, TP., tỉnh Bình Định; Địa chỉ trụ sở hiện nay: 223/36 T, khu phố D, P. Q, TP., T. B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc; vắng mặt.

- Người làm chứng: Công ty TNHH T3; Địa chỉ: E N, TP Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng T1 - Giám đốc; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh **Đỗ Thành K** trình bày:

Ngày 14/6/2022, **Công ty TNHH T2** (bên A - Chủ đầu tư) có ký kết hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX với **Công ty TNHH Q** (bên B - Nhà thầu). Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận về việc **Công ty TNHH T2** (gọi tắt là: **Công ty T2**) giao cho **Công ty TNHH Q** (gọi tắt là: **Công ty Q**) thực hiện hạng mục công việc “Cung cấp, thi công và chăm sóc cảnh quan” cho dự án Điểm bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch tại **phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định** (đính kèm bảng khối lượng ước tính); Giá trị hợp đồng tạm tính là 360.720.000 đồng; Thời gian thực hiện hợp đồng từ 15 đến 20 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thực tế từ bên A. Các bên thống nhất việc nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng được thực hiện vào ngày hoàn thành việc thực hiện các công việc quy định tại Điều 1 và đáp ứng chất lượng theo yêu cầu của Hợp đồng này. Quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định tại các khoản 5.1 và 5.2 Điều 5 của Hợp đồng. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận những nội dung khác.

Thực hiện hợp đồng thi công nói trên, ngày 16/6/2022, **Công ty TNHH T2** đã chuyển vào tài khoản của **Công ty TNHH Q** mở tại **Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh B** tạm ứng số tiền 108.216.000 đồng (theo giấy đề nghị tạm ứng ngày 16/6/2022 của **Công ty TNHH Q** yêu cầu tạm ứng 30% giá trị hợp đồng với số tiền là 108.216.000 đồng). Trong quá trình thi công, ngày 21/9/2022 các bên gồm Chủ đầu tư- **Công ty TNHH T2** và Đơn vị thi công - Nhà thầu, **Công ty TNHH Q** và Đơn vị tư vấn giám sát là **Công ty TNHH T3**, đã lập biên bản hiện trường số 01/BBHT “Về việc kiểm tra chất lượng đất đã tập kết tại công trình” để nghiệm thu chất lượng đất tại công trình **Đ** bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch thuộc **phường T, TP., Bình Định**. Biên bản đã kết luận:

- Đất do đơn vị thi công tại công trình, qua cơn mưa lộ rõ đất lẫn xà bần đã tập kết đất tại công trình không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- Đề nghị Đơn vị thi công thu hồi đất cũ và đổi đất mới cho chủ đầu tư (Đơn vị thi công phải trình mẫu đất mới để Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu chất lượng đất trước khi tập kết tại công trình).
- Trong vòng 20 ngày kể từ ngày 21/09/2022 nếu Đơn vị thi công không thực hiện việc thu hồi đất cũ, đổi đất mới thì Chủ đầu tư sẽ thuê một Đơn vị thi công khác để thực hiện cung cấp, thi công và chăm sóc cảnh quan tại công trình. Đơn vị thi công (bên B) - **Công ty TNHH Q** không ký biên bản này và cũng không thực hiện.

Công ty T2 đã chụp nhiều bản ảnh và gửi nhiều công văn đến **Công ty Q** để yêu cầu thực hiện theo Biên bản hiện trường nhưng **Công ty Q** không có phản hồi và không thực hiện. Ngày 05/12/2022, **Công ty T2** gửi Công văn số 13/2022/CV-TMKS về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 và đề nghị **Công ty TNHH Q** hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng theo hợp đồng nhưng **Công ty Q** không có phản hồi gì và không giải quyết. Sau đó, nhiều lần **Công ty T2** tiếp tục gửi thông báo yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 và yêu cầu **Công ty Q** hoàn trả

lại tiền tạm ứng, trả tiền phạt vi phạm hợp đồng nhưng Công ty Q vẫn không có văn bản phản hồi gì và không giải quyết. Nay Công ty T2 yêu cầu: Tuyên Chấm dứt hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký ngày 14/6/2022 giữa Công ty TNHH T2 với Công ty TNHH Q; Buộc Công ty TNHH Q phải hoàn trả cho Công ty TNHH T2 số tiền tạm ứng đã nhận là 108.216.000 đồng, Trả tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 là 36.072.000 đồng (= 360.720.000 đồng (giá trị hợp đồng tạm tính) x 10%); Trả tiền lãi theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng thi công đã ký đối với số tiền tạm ứng đã nhận theo mức lãi suất Ngân hàng B1 quy định 12%/năm tính từ ngày tạm ứng (ngày 16/6/2022) đến thời điểm xét xử (19/3/2024) là 642 ngày với số tiền là 22.840.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Q do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Công ty TNHH Q khai thông nhất như lời trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian và nội dung thỏa thuận của hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa Công ty TNHH Q (bên B - Nhà thầu) với Công ty TNHH T2 (bên A - Chủ đầu tư). Theo hợp đồng, Công ty TNHH T2 (gọi tắt là: Công ty T2) giao cho Công ty TNHH Q (gọi tắt là: Công ty Q) thực hiện hạng mục công việc “Cung cấp, thi công và chăm sóc cảnh quan” cho dự án Điểm bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch tại phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (đính kèm bảng khối lượng ước tính); Giá trị hợp đồng tạm tính là 360.720.000 đồng. Ngày 16/6/2022 Công ty Q có tạm ứng của Công ty T2 30% giá trị hợp đồng với số tiền là 108.216.000 đồng. Quá trình thực hiện thi công Công ty Q đã thuê nhân công và đang tiến hành đổ đất thi công, nhưng sau đó bên Công ty T2 đã ngăn cản và yêu cầu Công ty Q dừng thi công và yêu cầu dọn đất đi. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2, bị đơn Công ty Q có ý kiến: Công ty Q đồng ý chấm dứt hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 và đồng ý hoàn trả cho Công ty T2 số tiền đã tạm ứng là 108.216.000 đồng; Đối với yêu cầu trả tiền phạt vi phạm hợp đồng và trả tiền lãi đối với số tiền tạm ứng đã nhận, Công ty Q không đồng ý trả vì Công ty Q không vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn và người làm chứng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 116, 117, 119, 418, 419, 428, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào các Điều 302, 303, 306 Luật Thương mại 2005; Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014, Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ X hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấm dứt Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH Q, buộc Công ty TNHH Q phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền tạm ứng và trả tiền phạt vi phạm hợp đồng cho Công ty TNHH T2, tổng cộng là 144.288.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền đã tạm ứng theo mức lãi suất ngân hàng B1 12% từ ngày tạm ứng tiền (16/6/2022) đến ngày xét xử (19/3/2024) là 22.840.000đ; Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự và người tham gia tố tụng khác: Bị đơn Công ty TNHH Q do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Người làm chứng Công ty TNHH T4 ông Lê Hoàng T1 là người đại diện theo pháp luật vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2:

[2.1] Về yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH Q và yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn:

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất xác nhận giữa Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) và Công ty TNHH Q (gọi tắt là Công ty Q) có ký kết Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận về việc Công ty T2 giao cho Công ty Q thực hiện hạng mục công việc “Cung cấp, thi công và chăm sóc cảnh quan” cho dự án Điểm bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch tại phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (đính kèm bảng khối lượng ước tính); Giá trị hợp đồng tạm tính là 360.720.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa Công ty T2 và Công ty Q đảm bảo về chủ thể, nội dung, các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, không trái pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 138, 139, 141 Luật Xây dựng nên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa Công ty T2 và Công ty Q và phụ lục 01 hai bên đã ký (BL 19-24); Căn cứ ủy nhiệm chi số 0102 lập ngày 16/6/2022 (BL16); Biên bản hiện trường số 01/BBHT ngày 21/9/2022 “Về việc kiểm tra chất lượng đất đã tập kết tại công trình” để nghiệm thu chất lượng đất tại công trình Đ bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch thuộc phường T, TP., T. B (BL 14,15), lời khai của các đương sự, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Ngày 16/6/2022 Công ty T2 đã chuyển vào tài khoản của Công ty Q mở tại Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh B tạm ứng số tiền 108.216.000 đồng (BL 16). Ngày 21/9/2022 các bên gồm Chủ đầu tư - Công ty T2 và Đơn vị thi công - Công ty Q và Đơn vị tư vấn giám sát - Công ty TNHH T3 đã lập biên bản hiện trường số 01/BBHT “Về việc kiểm tra chất lượng đất đã tập kết tại công trình” để nghiệm thu chất lượng đất tại công trình Đ bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch thuộc phường T, TP., Bình Định. Tại biên bản hiện trường đã kết luận: Đất do đơn vị thi công tại công trình, qua cơn mưa lộ rõ đất lẫn xà bần đã tập kết đất tại công trình không đạt chất lượng theo hợp đồng; Đề nghị Đơn vị thi công thu hồi đất cũ và đổi đất mới cho chủ đầu tư (Đơn vị thi công phải trình mẫu đất mới để Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu chất lượng đất trước khi tập kết tại công trình); Trong vòng 20 ngày kể từ ngày 21/09/2022 nếu Đơn vị thi công không thực hiện việc thu hồi đất cũ, đổi đất mới thì Chủ đầu tư sẽ thuê một Đơn vị thi công khác để thực hiện cung cấp, thi công và chăm sóc cảnh quan tại công trình. Công ty Q không ký biên bản này và cũng không thực hiện. Công ty T2 đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty Q thực hiện theo biên bản hiện trường nhưng Công ty Q không có phản hồi và không thực hiện. Ngày 05/12/2022, Công ty T2 đã gửi Công văn số 13/2022/CV-TMKS về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công và đề nghị Công ty Q hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng theo hợp đồng nhưng Công ty Q không phản hồi và không giải quyết. Việc Công ty Q tập kết đất tại công trình đất lẫn xà bần là đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng thi công và phụ lục 01 về chất lượng đất trồng là đất màu có phân bón. Như vậy Công ty Q đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng thi công và phụ lục 01 về chất lượng đất trồng. Xét thấy, Công ty T2 yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH Q và yêu cầu hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận 108.216.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 (BL 20, 21) và các Điều 422, 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình giải quyết, bị đơn Công ty Q cũng đồng ý chấm dứt hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 và đồng ý hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận 108.216.000 đồng. Về khoản tiền phạt 10% do vi phạm hợp đồng nguyên đơn yêu cầu Công ty Q phải thanh toán số tiền là 36.072.000 đồng, Công ty Q không đồng ý vì Công ty Q không vi phạm hợp đồng. Xét thấy nguyên nhân dẫn đến Công ty T5 chấm dứt Hợp đồng thi công là do Công ty Q vi phạm nghĩa vụ như đã phân tích trên nên yêu cầu khoản tiền phạt vi phạm 10% tổng giá trị hợp đồng tạm tính là $360.720.000 \text{ đồng} \times 10\% = 36.072.000 \text{ đồng}$ của nguyên đơn là có căn cứ,

phù hợp với thỏa thuận tại khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ngày 14/6/2022 mà hai bên đã ký kết (BL 20, 21) và các Điều 418, 419 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền tạm ứng đã nhận theo mức lãi suất **Ngân hàng TMCP Đ1** 12%/năm tính từ ngày tạm ứng (ngày 16/6/2022) đến thời điểm xét xử (19/3/2024) là 22.840.000đ, xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ, không phù hợp quy định tại khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng thi công mà hai bên đã ký kết và không phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 306 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì **Công ty TNHH Q** và **Công ty TNHH T2** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 398, Điều 357, Điều 418, Điều 419, Điều 422, 428 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 138, 139, 140, 141, 145 và điểm b khoản 3 Điều 147 Luật Xây dựng;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH T2**.
 - 1.1. Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công số 05/2022/HĐTC/TP-QNX ký kết ngày 14/6/2022 giữa **Công ty TNHH T2** và **Công ty TNHH Q**.
 - 1.2. Buộc **Công ty TNHH Q** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty TNHH T2** các khoản tiền sau: Tiền tạm ứng đã nhận là 108.216.000 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 36.072.000 đồng. Tổng cộng là 144.288.000 đồng.
2. Không chấp nhận yêu cầu của **Công ty TNHH T2** về việc buộc **Công ty TNHH Q** phải trả tiền lãi đối với số tiền tạm ứng đã nhận theo mức lãi suất 12%/năm của **Ngân hàng TMCP Đ1** quy định tính từ ngày tạm ứng (ngày 16/6/2022) đến thời điểm xét xử với số tiền là 22.840.000 đồng.

3. Bác lời nại của Công ty TNHH Q không đồng ý yêu cầu của Công ty TNHH T2 về việc trả tiền phạt vi phạm hợp đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Công ty TNHH Q phải chịu 7.214.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Công ty TNHH T2 phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH T2 đã nộp là 3.607.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000736 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Quy Nhơn, Công ty TNHH T2 được hoàn trả 607.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Kim Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phôi Nguyễn Tấn Bình

Đặng Thị Kim Anh

